

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2021

V/v “*ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 524/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-NHGD ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1981 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Ngọc Y, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Ngọc Y cưới nhau trên cơ sở tự nguyện do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/01/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh và chị Y đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không có hàn gắn lại được với nhau. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị Ngọc Y.

Anh và chị Y có 02 con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 08/01/2003 và Hà Anh T2, sinh ngày 01/02/2007. Hiện nay cháu Hà Anh T1 đã trưởng thành, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung Hà Anh T2 và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn chị Ngô Thị Ngọc Y vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu cho anh T được ly hôn chị Y. Con chung: Hà Anh T1 đã trưởng thành và đề nghị giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà Anh T2, sinh ngày 01/02/2007 và ghi nhận việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng chị Y vắng mặt không lý do. Nguyên đơn anh Hà Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn T và chị Ngô Thị Ngọc Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Y kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/01/2002 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng cự cãi nhau. Thời gian hai anh chị ly thân đã lâu và cũng không hàn gắn tình cảm được. Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã mở phiên hòa giải giữa anh T và chị Y nhưng chị Y vẫn không tham gia hòa giải. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T, chị Y đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó anh T yêu cầu ly hôn với chị Y là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị Y 02 con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 08/01/2003 và Hà Anh T2, sinh ngày 01/02/2007. Hiện nay cháu Hà Anh T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Hiện nay cháu T2 do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà Anh T2, cháu T2 cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Do đó, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T2 của anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hà Văn T phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hà Văn T được ly hôn với chị Ngô Thị Ngọc Y. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 28/01/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Hà Anh T1, sinh ngày 08/01/2003 đã trưởng thành. Giao con chung tên Hà Anh T2, sinh ngày 01/02/2007 cho anh Hà Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngô Thị Ngọc Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hà Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004174 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND TT. G (G, Bạc Liêu)
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh